

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **396/2022/HNGĐ-ST**;

Ngày: 16/8/2022.

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang;

2. Bà Lê Thị Phụng Loan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Lâm N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Bảo T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh N và chị T có văn bản đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn anh Trần Lâm N trình bày:*

- Về tình cảm: Anh Trần Lâm N và chị Ngô Thị Bảo T tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Gạo. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp, vợ không tôn trọng gia đình chồng. Từ tháng 3/2021 anh chị xảy ra cãi vã nghiêm trọng nên không còn sống chung, không quan tâm,

chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống tự ai nấy lo. Nay không còn tình cảm nên anh N xin được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Bảo L1, sinh ngày 14/12/2012 và Trần Hoàng L2, sinh ngày 04/10/2019 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn anh N xin nhường quyền nuôi dưỡng hai con cho chị T, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 07/7/2022, bị đơn chị Ngô Thị Bảo T trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh Trần Lâm N là vợ chồng hợp pháp. Anh N xin ly hôn thì chị đồng ý theo yêu cầu của anh N.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Bảo L1, sinh ngày 14/12/2012 và Trần Hoàng L2, sinh ngày 04/10/2019. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T đề nghị xử theo quy định pháp luật.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Lâm N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con đủ 18 tuổi.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Trần Lâm N yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị Bảo T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ngô Thị Bảo T cư trú tại ấp B, xã B, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh N có đơn đề nghị vắng mặt ngày 26/7/2022, bị đơn chị T có đơn đề nghị vắng mặt ngày 07/7/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Lâm N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Anh N và chị T cưới nhau năm 2018, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N xin ly hôn với chị T với lý do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp, vợ không tôn trọng gia đình chồng. Chị T cũng đồng ý ly hôn với anh N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Bảo L1, sinh ngày 14/12/2012 và Trần Hoàng L2, sinh ngày 04/10/2019 là có cơ sở, bởi lẽ hai cháu đang sống với chị T đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo L1 muốn được sống với chị T. Phía anh N cũng đồng ý nhường quyền nuôi dưỡng hai con cho chị T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Bảo L1 và Hoàng L2 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu Bảo L1 và Hoàng L2 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu. Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/cháu là phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Anh N và chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung: Anh N và chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Lâm N.

Về hôn nhân: Anh Trần Lâm N được ly hôn với chị Ngô Thị Bảo T.

Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Bảo L1, sinh ngày 14/12/2012 và Trần Hoàng L2, sinh ngày 04/10/2019 cho chị Ngô Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Lâm N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Bảo L1 và Trần Hoàng L2 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Anh Trần Lâm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0024783 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên anh N phải nộp thêm 300.000 đồng.

Báo nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thủy Uyên

